

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Môn học: Truyền động điện (22807501)

Ngày thi: 30/01/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

Số tờ giấy thi: 40

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D	1	An	8.3	9.0	8.7	
2	2123050061	Huỳnh Dương Bình	08/04/2004	CCQ2305B	1	Bình	8.0	9.0	8.6	
3	2123050142	Đỗ Thanh Cao	22/06/2005	CCQ2305D	1	Cao	8.3	10	9.3	
4	2123050216	Nại Hoàng Chương	11/02/2004	CCQ2305E	1	Chương	7.7	8.5	8.2	
5	2122050117	Nguyễn Văn Chương	16/12/2004	CCQ2205D	1	Chương	8.3	10	9.3	
6	2123050171	Não Văn Diên	02/05/2005	CCQ2305D	1	Diên	8.0	9.5	8.9	
7	2123050205	Đỗ Thế Đức	24/09/2005	CCQ2305E	1	Đức	8.2	9.5	9.0	
8	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C	1	Dũng	8.0	9.0	8.6	
9	2122050120	Phạm Thanh Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1	Hải	8.0	9.0	8.6	
10	2123110113	Triệu Trung Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A	1	Hiếu	8.0	8.0	8.0	
11	2123050092	Phạm Ngọc Huân	21/04/2005	CCQ2305C	1	Huân	8.3	9.5	9.8	
12	2122050054	Vũ Gia Huy	04/06/2004	CCQ2205B	1	Huy	8.3	9.0	8.7	
13	2123050077	Đỗ Minh Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	1	Khoa	8.0	10	9.2	
14	2122050102	Nguyễn Tấn Khôi	01/02/2004	CCQ2205C	1	Khôi	8.3	10	9.3	
15	2123050052	Nguyễn Thành Luân	05/09/2005	CCQ2305B	1	Luân	8.0	9.5	8.9	
16	2123050138	Phạm Nguyễn Công Luận	30/01/2005	CCQ2305C	1	Luân	8.3	9.0	8.7	
17	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D	1	Lưu	8.0	9.0	9.4	
18	2123050169	Đặng Hoài Nam	22/08/2005	CCQ2305D	1	Nam	8.0			
19	2122050099	Trương Công Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C	1	Nghĩa	8.0	10	9.2	
20	2123050126	Nguyễn Đình Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	1	Ninh	8.0	6.5	7.1	
21	2123050063	Cao Xuân Phong	24/10/2005	CCQ2305B	1	Phong	8.0	9.5	8.9	
22	2122050118	Lê Tuấn Phong	02/08/2004	CCQ2205A	1	Phong	7.7	10	9.1	
23	2123050129	Bùi Văn Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	1	Phúc	8.0	7.0	7.4	
24	2123050227	Báo Tuấn Phương	25/10/2005	CCQ2305E	1	Phương	8.0	7.0	7.4	
25	2122150037	Đỗ Thế Quân	01/01/2004	CCQ2215B	1	Quân	8.0	7.0	7.4	
26	2123050091	Trần Anh Quân	26/12/2005	CCQ2305B	1	Quân	8.2	10	9.3	
27	2123050101	Nguyễn Anh Quang	25/05/2005	CCQ2305C	1	Quang	8.0	10	9.2	
28	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường Sơn	28/10/2005	CCQ2305B	1	Sơn	8.3	7.0	7.5	
29	2123050045	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	1	Tấn	7.8	9.5	8.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 *Thánh Đạt* Cán bộ coi thi 2 *Đq.v. Ngọc* G.Viên chấm thi 1 *Trần Mỹ* G.Viên chấm thi 2 *Mai Xuân*

Môn học: Truyền động điện (22807501)

Ngày thi: 30/01/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: *40*
Số bài thi: *40*
Số tờ giấy thi: *40*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
30	2123050120	Đặng Mậu	Thành	15/06/2005	CCQ2305C	<i>1</i> <i>Thánh Đạt</i>	7.7	<i>9.5</i>	<i>8.8</i>	
31	2123050233	Nguyễn Tấn	Thành	04/07/2005	CCQ2305A	<i>1</i> <i>Tấn</i>	8.0	<i>9.5</i>	<i>8.9</i>	
32	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D	<i>1</i> <i>Đức</i>	8.0	<i>9.5</i>	<i>8.9</i>	
33	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C	<i>1</i> <i>Thuận</i>	8.0	<i>9.5</i>	<i>8.9</i>	
34	2121150021	Nguyễn Kim	Tiến	15/09/2003	CCQ2115A	<i>1</i> <i>Tiến</i>	7.8	<i>9.5</i>	<i>8.8</i>	
35	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D	<i>1</i> <i>Toàn</i>	8.0	<i>9.5</i>	<i>8.8</i>	
36	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B	<i>1</i> <i>Trí</i>	8.7	<i>10</i>	<i>9.5</i>	
37	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A	<i>1</i> <i>Trí</i>	8.3	<i>9.5</i>	<i>9.0</i>	
38	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A	<i>1</i> <i>Đan</i>	7.7	<i>8.0</i>	<i>7.9</i>	
39	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B	<i>1</i> <i>Anh</i>	8.2	<i>10</i>	<i>9.3</i>	
40	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B	<i>1</i> <i>Quốc</i>	8.0	<i>9.5</i>	<i>8.9</i>	
41	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	<i>1</i> <i>Ý</i>	8.3	<i>10</i>	<i>9.3</i>	